TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **238**/2024/HS-ST
Ngày 23-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 192/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/HSST-QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Vũ Quang T**; tên gọi khác: không; sinh ngày 11 tháng 02 năm 2002, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị E (đã chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với Huỳnh Trần Kim N (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con, sinh năm 2022. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2021, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Ngày 25/3/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 13 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số: 82/2024/HS-ST, hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Huỳnh Trần Kim N**; tên gọi khác: không; sinh ngày 19 tháng 01 năm 2004, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số C H, khu phố D, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đình N1 và bà Trần Thị Kim H; bị cáo sống chung như vợ chồng với Phạm Vũ Quang T (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con, sinh năm 2022. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo đang hoãn chấp hành án phạt tù theo Quyết định số 01/2024/QĐ-TA ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Nhân thân: Ngày 25/3/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số: 82/2024/HS-ST, hiện đang hoãn chấp hành án tại Quyết định số 01/2024/QĐ-TA ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại

- Chị Trương Nguyễn Nhật L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ A S, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

- Chị Trương Thị T2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt).

- Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Chị Trần Thị Khánh L1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tiểu khu E, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Diệu H2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

- Chị Đinh Khánh H3, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

- Chị Võ Thị H4, sinh năm 1997. Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

- Chị Võ Nguyễn Tuyết T3, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị H5, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Anh Phạm Đình T4, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

- Chị Ngô Thị Minh M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

- Anh Ngô Thành C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

- Anh Tạ Đức H6, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số G T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- Anh Phạm Vũ Hoàng K, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

- Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố D, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Vũ Quang T do không có nghề nghiệp, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên T tự lên mạng internet tìm hiểu các phương thức hỗ trợ dịch vụ Facebook như: Quảng cáo bán hàng, lọc bạn bè không tương tác, hỗ trợ tăng tương tác: like, follow, comment, lấy lại tài khoản quên mật khẩu, mất quyền sử dụng, mở khoá hay đề xuất xét duyệt tích xanh… nhằm mục đích hỗ trợ người dùng Facebook để thu tiền phí. T sử dụng Facebook lấy tên là "Nguyễn Văn O" để liên lạc với khách hàng, chủ động tìm những tài khoản Facebook có nhu cầu hỗ trợ dịch vụ như trên rồi nhắn tin tư vấn, sau khi khách hàng đồng ý thì T đề nghị khách hàng kết bạn qua tài khoản Zalo có tên là "H11" được lập bởi số điện thoại "+84325313960" và tiến hành hỗ trợ bằng cách đề nghị khách hàng cung cấp thông tin tài khoản và mật khẩu Facebook để T thao tác trực tiếp trên máy tính để bàn của T hoặc yêu cầu khách hàng chụp màn hình gửi vào tin nhắn Zalo để T hướng dẫn thực hiện. Bằng phương thức này, T đã tiến hành thu thập thông tin tài khoản, mật khẩu, thông tin cá nhân, thông tin xác thực hai yếu tố của khách hàng… để tiến hành chiếm quyền sử dụng Facebook (đổi mật khẩu của tài khoản), từ đó mạo danh chủ tài khoản Facebook để nhắn tin cho bạn bè, người thân, quen của chủ tài khoản đã chiếm đoạt được để vay, mượn tiền nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, sau khi chủ tài khoản Facebook tin tưởng giao tài khoản thì T còn yêu cầu phải trả một khoản tiền thì T mới trả lại tài khoản. Huỳnh Trần Kim N (là bạn gái đang chung sống cùng với T) biết được việc T chiếm dụng quyền điều khiển tài khoản Facebook của người khác để lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người, T rủ N cùng tham gia thì N đồng ý. Nhàn đưa số tài khoản, mật khẩu

ứng dụng Mobile Banking tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V) và số điện thoại của N cho T để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi T chiếm dụng được quyền điều khiển tài khoản Facebook thì T đăng nhập vào ứng dụng Facebook trên chiếc điện thoại Iphone Xs, số imei: 357201090070809, gắn sim số 0888683048 của T rồi Nhàn tìm, đọc các tin nhắn trong ứng dụng Messenger của tài khoản để tìm kiếm những người thường xuyên có những giao dịch vay, mượn, nhờ chuyển tiền... và nghiên cứu cách thức nói chuyện của chủ tài khoản với người thân, quen, bạn bè từ đó giả danh chủ tài khoản Facebook để nhắn tin vay, mượn tiền nhằm chiếm đoạt, rồi cùng nhau tiêu xài cá nhân. Trường hợp người thân, quen của chủ tài khoản Facebook bị chiếm dụng nghi ngờ gọi điện đến qua ứng dụng Messenger thì T và N sẽ tạo nhiều tạp âm ồn ào, nếu chủ tài khoản Facebook bị chiếm dụng là nữ thì N sẽ nghe máy và nếu chủ tài khoản Facebook bị chiếm dụng là nam thì T sẽ nghe máy. Mục đích để những người gọi đến không nghi ngờ, tin tưởng và nghĩ việc chủ tài khoản Facebook vay, mượn, nhờ chuyển tiền là thật và đồng ý cho vay, mượn bằng hình thức chuyển khoản. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, T và N sử dụng các tài khoản Ngân hàng để nhận tiền chiếm đoạt từ các bị hại gồm: Tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 (V1) số 0631000498911 của ông Phạm Văn T1; Tài khoản Ngân hàng N4 (A1) số 6906205181104 của bà Phạm Thị E (là mẹ ruột của Phạm Vũ Quang T, hiện nay đã chết); Tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V) số 109870007502 của Huỳnh Trần Kim N. Các tài khoản ngân hàng này T quản lý bằng các ứng dụng Mobile Banking trên điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs của T. Sau khi bị hại chuyển tiền vào các tài khoản trên thì T sử dụng các ứng dụng Mobile Banking của các tài khoản Ngân hàng này chuyển tiền qua lại giữa các tài khoản Ngân hàng nhằm tránh sự phát hiện của Cơ quan Công an. Sau đó, T sẽ chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A2) số 12878837 của T. Sau khi chiếm đoạt được tiền, một phần T rút ra cùng Nhàn tiêu xài cá nhân, một phần T gửi vào tài khoản Ngân hàng A2 số 214980479 của anh Phạm Vũ Hoàng K (là anh ruột của T) với tổng số tiền 450.000.000 đồng để nhờ anh K giữ hộ. Sau đó, anh K đã dùng số tiền T nhờ giữ hộ mở 01 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng A2 gửi số tiền 200.000.000 đồng và 01 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng V gửi số tiền 250.000.000 đồng.

Bằng các phương thức, thủ đoạn gian dối như trên trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2020 đến ngày 13/12/2021, T và N đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ 01: Ngày 25/03/2020 T và N chiếm dụng được tài khoản Facebook "Annie" của chị Lê Thị Mỹ K1 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) rồi giả danh chủ tài khoản Facebook "Annie" nhắn tin đến tài khoản Facebook "Trương Nguyễn Nhật L" của chị Trương Nguyễn Nhật L (sinh năm 1994, trú tại: Tổ A S,

phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) mượn chị L số tiền 4.000.000 đồng, thì chị L tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, chị L đã sử dụng ứng dụng SmartBanking của Ngân hàng V1 từ số tài khoản 0061001053061 của chị L chuyển tổng số tiền là 4.000.000 đồng (lần 01 số tiền 1.000.000 đồng, lần 2 số tiền 1.000.000 đồng, lần 3 số tiền 2.000.000 đồng) vào tài khoản Ngân hàng V của N, thì bị T và N chiếm đoạt. Đến khoảng 16 giờ 09 phút cùng ngày, chị L được chị K1 thông báo về việc bị chiếm đoạt quyền điều khiển Facebook và chị K1 không nhắn tin mượn tiền của chị L. Tổng số tiền chị L bị T và N chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Chị L yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 02: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 27/6/2021, T và N chiếm dụng được tài khoản Facebook "Nguyễn Khánh H8" của chị Nguyễn Thị H9 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rồi giả danh chủ tài khoản "Nguyễn Khánh H8" nhắn tin đến tài khoản Facebook "Thy Thy Trương" của chị Trương Thị T2 (sinh năm 1992, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, là người quen của chị H8 trên Facebook) để nhờ chị T2 chuyển tiền giúp vì tài khoản Ngân hàng của chị H8 bị lỗi, thì chị T2 tưởng thật nên đồng ý. Sau đó chị T2 đã sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng A1 từ số tài khoản 352505279884 của chị T2 chuyển tổng số tiền 10.600.000 đồng (lần 01 số tiền 3.200.000 đồng, lần 2 số tiền 7.400.000 đồng) vào tài khoản Ngân hàng A1 của Phạm Thị E và chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của ông Phạm Văn T1, thì bị T và N chiếm đoạt. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị T2 liên lạc với chị H8 thì mới biết được việc chị H8 bị chiếm đoạt quyền điều khiển Facebook và chị H8 không nhắn tin mượn tiền của chị T2. Tổng số tiền chị T2 bị T và N chiếm đoạt là 13.600.000 đồng. Chị T2 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 13.600.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 03: Vào ngày 30/3/2020, T và N chiếm dụng được tài khoản Facebook "Đinh Thị P" của chị Đinh Thị P (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rồi giả danh chủ tài khoản Facebook "Đinh Thị P" nhắn tin đến tài khoản Facebook "Lê Thu H1" của chị Lê Thị Thu H1 (sinh năm 2000, trú tại: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là người quen của chị P) để nhờ chị H1 chuyển tiền giúp vì tài khoản Ngân hàng của chị P đang bị lỗi, thì chị H1 tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, chị H1 đã sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng A1 từ số tài khoản 5204205252800, chuyển 02 lần với tổng số tiền 3.000.000 đồng (lần 01 số tiền 1.800.000 đồng, lần 2 số tiền 1.200.000 đồng) vào tài khoản Ngân hàng A1 của Phạm Thị E, thì bị T và N chiếm đoạt. Đến ngày hôm sau, chị H1 liên lạc với chị P thì biết được việc chị P bị chiếm đoạt quyền điều khiển Facebook và chị P không nhắn tin mượn tiền của chị H1. Số tiền chị H1 bị T và N chiếm đoạt là 3.000.000

đồng. Chị H1 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 04: Vào ngày 21/7/2020, T và N chiếm dụng được tài khoản Facebook "Đinh Thị Diễm Hương" của chị Đinh Thị Diễm H10 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rồi giả danh chủ tài khoản Facebook "Đinh Thị Diễm H10" nhắn tin đến tài khoản Facebook "Khánh Ly" của chị Trần Thị Khánh L1 (sinh năm 1988, trú tại: Tiểu khu E, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình) nhờ chuyển tiền giúp vì tài khoản Ngân hàng của H10 hết tiền, thì chị L1 tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, chị L1 đã sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng A1 từ số tài khoản 3806215017296 của chị L1 chuyển số tiền 800.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng A1 của Phạm Thị E và chuyển số tiền 500.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1, thì bị T và N chiếm đoạt. Sau đó, chị L1 mới biết việc chị H10 bị chiếm dụng tài khoản Facebook và chị H10 không nhắn tin mượn tiền của chị L1. Tổng số tiền chị L1 bị T và N chiếm đoạt là 1.300.000 đồng. Chị L1 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 1.300.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 05: Vào ngày 29/10/2020, T và N chiếm dụng được tài khoản Facebook (chưa xác định được tên tài khoản và chủ sở hữu). Sau đó, T và N kiểm tra phần tin nhắn của tài khoản Facebook thì thấy tài khoản Facebook "Diệu Hiền" của chị Nguyễn Diệu H2 (sinh năm 1996, trú tại: Số A L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) có đặt mua hàng là trái cây với chủ tài khoản Facebook với số tiền là 1.850.000 đồng. Thấy vậy, T và N giả danh chủ tài khoản Facebook nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến tài khoản Facebook "Diệu Hiền" với nội dung yêu cầu chị H2 chuyển số tiền hàng là 1.850.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng V của N, rồi sẽ chuyển hàng cho chị H2. Do nghi ngờ nên chị H2 đã sử dụng ứng dụng M1 gọi vào tài khoản Facebook thì N nghe máy và giả danh chủ tài khoản nói chị H2 chuyển tiền vào số tài khoản trên và sẽ gửi hàng qua xe khách, thì chị H2 tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, chị H2 sử dụng ứng dụng Smart Banking từ số tài khoản 0291000357504 tại Ngân hàng V1 chuyển số tiền 1.850.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V của Huỳnh Trần Kim N, thì bị T và N chiếm đoạt. Chị H2 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 1.850.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 06: Ngày 10/12/2020, chị Đinh Khánh H3 (sinh năm 1995, trú tại: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An) sử dụng tài khoản Facebook "Khánh Hoà" liên hệ đến tài khoản Facebook "Nguyễn Văn O" của T thoả thuận tăng lượt theo dõi (follow) và tăng lượt yêu thích (like) cho tài khoản Facebook "Khánh Hoà" của chị H3, thì T đồng ý thực hiện miễn phí và yêu cầu chị H3 cung cấp các thông tin để thực hiện. Đồng thời, T sử dụng tài khoản Zalo "Htro Fb A" của T để trao đổi, liên lạc với chị H3. Sau khi chiếm dụng được tài khoản Facebook, T không

thực hiện các dịch vụ cho Facebook của chị H3 như thỏa thuận mà yêu cầu chị H3 chuyển số tiền 1.200.000 đồng thì T mới trả lại tài khoản Facebook. Do muốn lấy lại tài khoản Facebook nên chị H3 đã sử dụng ứng dụng Smart Banking từ số tài khoản 041704060063956 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V2) của chị H3 chuyển số tiền 1.200.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của ông Phạm Văn T1, thì bị T và N chiếm đoạt. Ngoài ra, ngày 12/12/2020 T và N còn giả danh chị H3 nhắn tin đến tài khoản Facebook "Linh Hương" của chị Võ Thị H4 (sinh năm 1997, trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, là người quen của chị H3) nhờ chuyển tổng số tiền 2.650.000 đồng vì tài khoản của chị H3 đang bị lỗi, thì chị H4 tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, chị H4 sử dụng ứng dụng Smart Banking số tài khoản 0491000100069 của Ngân hàng V1 chuyển 02 lần với tổng số tiền 2.650.000đồng (lần 01 số tiền 1.650.000đồng, lần 2 số tiền 1.000.000đồng) vào số tài khoản Ngân hàng V của Huỳnh Trần Kim N, thì bị T và N chiếm đoạt. Tổng số tiền T và N chiếm đoạt của chị H3 là 1.200.000 đồng và của chị H4 là 2.650.000 đồng. Chị H3 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng; chị H4 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 2.650.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 07: Vào ngày 11/3/2021, T và N chiếm dụng được tài khoản Facebook "Võ Thanh T5" của anh Võ Thanh T5 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rồi sử dụng tài khoản Facebook "Võ Thanh T5" giả danh anh T5 nhắn tin đến tài khoản Facebook "Võ Thi T3" của chị Võ Nguyễn Tuyết T3 (sinh năm 1997, trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, là người quen của anh T5) nhờ chị T3 chuyển số tiền 2.400.000 đồng cho người quen, vì tài khoản Ngân hàng của anh T5 hết tiền, thì chị T3 tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, chị T3 sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng V1 từ số tài khoản 0751000052402 của chị T3 chuyển số tiền 2.400.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng V của Huỳnh Trần Kim N, thì bị T và N chiếm đoạt. Sau đó, chị T3 mới biết việc anh T5 bị chiếm dụng tài khoản Facebook và anh T5 không nhắn tin mượn tiền của chị T3. Chị T3 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 2.400.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 08: Vào ngày 20/4/2021, chị Hoàng Thị H5 (sinh năm 1995, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) liên lạc với tài khoản Facebook "Nguyễn Văn O" của T để thoả thuận lấy lại tài khoản Facebook tên "Hoàng Thị H5" vì tài khoản này của chị H5 không đăng nhập được. Chị H5 và T thoả thuận giá dịch vụ lấy lại tài khoản Facebook với số tiền là 3.000.000 đồng. T yêu cầu chị H5 phải chuyển trước số tiền 3.000.000 đồng và cung cấp các thông tin để thực hiện việc lấy lại mật khẩu cho tài khoản Facebook, đồng thời kết bạn với tài khoản Z "Htro Fb A" của T để trao đổi, thì chị H5 đồng ý. Sau đó, chị H5 sử dụng ứng dụng Smart Banking từ số tài khoản 0561000618570 của chị H5 tại Ngân hàng V1 chuyển tổng số tiền là 3.000.000 đồng (lần 1 số tiền 2.000.000 đồng, lần 02 số

tiền 1.000.000 đồng) vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1, thì bị T chiếm đoạt và chặn liên lạc với chị H5. Việc T chiếm đoạt tiền của chị H5 thì T thực hiện một mình và không nói cho N biết. Chị H5 yêu cầu T phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 09: Ngày 24/7/2021, anh Phạm Đình T4 (sinh năm 1990, trú tại: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương) sử dụng tài khoản Facebook (Không rõ tên tài khoản Facebook) liên hệ đến tài khoản Facebook "Nguyễn Văn O" của T để lấy lại tài khoản Facebook của anh T4 do không đăng nhập được. Lúc này, T yêu cầu anh T4 cung cấp các thông tin liên quan để thực hiện việc lấy lại mật khẩu, đồng thời kết bạn với tài khoản Z "H11" và chuyển trước số tiền là 1.200.000 đồng, thì anh T4 đồng ý. Sau đó, anh T4 sử dụng ứng dụng Smart Banking từ số tài khoản 0341006971446 tại Ngân hàng A2 chuyển số tiền 1.200.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1, thì bị T chiếm đoạt và chặn liên lạc với anh T4. Việc T chiếm đoạt tiền của anh T4 thì T thực hiện một mình và không nói cho N biết. Anh T4 yêu cầu T phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 10: Vào ngày 13/12/2021, chị Ngô Thị Minh M (sinh năm 1992, trú tại: Khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh) liên hệ với tài khoản Facebook "Nguyễn Văn O" của T để thoả thuận việc chạy quảng cáo cho tài khoản Facebook "Minh Minh N2" của chị M. Lúc này, chị M và T thoả thuận phí dịch vụ là 3.000.000 đồng, đồng thời T yêu cầu chị M cung cấp thông tin, mật khẩu tài khoản Facebook "Minh Minh N2", và kết bạn với tài khoản Zalo "Htro Fb A" để hỗ trợ việc chạy quảng cáo cho tài khoản Facebook, thì chị M đồng ý. Sau đó, chị M sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng A2 từ số tài khoản 9446077 của chị M chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1. Sau khi chiếm dụng được tài khoản Facebook "Minh Minh N2", T không thực hiện như thỏa thuận mà cùng N giả danh chị M nhắn tin cho anh Ngô Thành C (sinh năm 1985, trú tại: Số nhà A A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, là anh trai của chị M) để nhờ chuyển tổng số tiền 21.350.000 đồng, vì tài khoản Ngân hàng của chị M hết tiền, thì anh C tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, anh C sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng A1 từ số tài khoản 5704221299999 chuyển tổng số tiền là 21.350.000 đồng (lần 01 chuyển số tiền 10.200.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng A1 của Phạm Thị E và lần 02 chuyển số tiền 11.150.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1), thì bị T và N chiếm đoạt. Tổng số tiền T và N chiếm đoạt của chị M là 3.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh C là 21.350.000 đồng. Chị M yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; anh C yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 21.350.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 11: Ngày 06/7/2020, T và N chiếm dụng tài khoản Facebook "Nguyen Thuy Dung" của chị D (chưa xác định nhân thân, lai lịch chủ tài khoản) rồi giả danh chủ tài khoản Facebook "Nguyen Thuy D1" nhắn tin đến tài khoản Facebook của anh Tạ Đức H6 (sinh năm 1997, trú tại: Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, là người quen của chị D1) nhờ anh H6 chuyển số tiền 1.450.000 đồng thì anh H6 tưởng thật nên đồng ý. Anh H6 sử dụng ứng dụng Smart Banking của Ngân hàng V1 từ số tài khoản 0691000348901 của anh H6 chuyển số tiền 1.450.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1, thì bị T và N chiếm đoạt. Sau đó, anh H6 mới biết việc chị D1 bị chiếm dụng tài khoản Facebook và chị D1 không nhắn tin mượn tiền của anh H6. Anh H6 yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 1.450.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vụ 12: Vào ngày 27/8/2020, chị Nguyễn Thị Quỳnh A (sinh năm 1991, trú tại: G T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) liên hệ với T để làm dịch vụ chạy quảng cáo trên tài khoản Facebook "Q" và cả hai thoả thuận giá dịch vụ là 1.500.000 đồng. Sau khi nhận được mật khẩu, T chiếm dụng và không thực hiện dịch vụ chạy quảng cáo cho tài khoản Facebook "Quỳnh Anh" như đã thỏa thuận. Sau đó, chị Quỳnh A liên hệ với T để xin lại tài khoản Facebook thì T yêu cầu phải chuyển cho T số tiền 2.000.000 đồng thì mới trả lại tài khoản Facebook, thì chị Quỳnh A đồng ý và sử dụng ứng dụng Smart Banking từ số tài khoản 0231000581239 của Ngân hàng V1 chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V1 của Phạm Văn T1 theo yêu cầu của T, thì bị T chiếm đoạt. Việc T chiếm đoạt tiền của chị Quỳnh A thì T thực hiện một mình và không nói cho N biết. Chị Quỳnh A yêu cầu T phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T, tại địa chỉ: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, tạm giữ các tài sản, đồ vật, tài liệu liên quan gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs, màu trắng số imei: 357201090070809 gắn sim số 0888683048; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1010, màu xanh, số imei: 354185105877691 gắn sim số 0966992054; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia TA-1174, màu đen, số imei 1: 353109118775586, số imei 2: 353109119775585, gắn các sim số 0523295487 và 0325313960; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tab A, màu đen (màn hình bị vỡ), số seri: R52H305FEHA; 01 thẻ ATM của Ngân hàng A1 số thẻ 9704050983168795 mang tên Phạm Thi E1; 01 thẻ ATM của Ngân hàng A2 số thẻ 3577030002542268 và 02 thẻ ATM đều của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (MB) số thẻ 4089041056484207 và 4089041010320729 đều mang tên Phạm Vũ Quang T; 05 thẻ ATM đều mang tên Huỳnh Trần Kim N, cụ thể: 02 thẻ Ngân hàng V số thẻ 9704150260196913 và

9704151532703908; 01 thẻ Ngân hàng ACB số thẻ 9704162463017648, 02 thẻ Ngân hàng MB số thẻ 9704222009296153 và 4089041087390811; 01 model VNPT GPON ONT iGate GW020, số serial 03115136F17A901; 01 model TP-Link TL-WR840N; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, model HP15; 01 máy tính để bàn gồm 01 CPU và 01 màn hình nhãn hiệu AOC; số tiền 59.650.000 đồng.

Ngày 31/12/2021, anh Phạm Vũ Hoàng K đã tự nguyện giao nộp tổng số tiền 560.000.000 đồng để phục vụ công tác điều tra.

Cáo trạng số 203/CT-VKS TP.BMT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Phạm Vũ Quang T, Huỳnh Trần Kim N về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Vũ Quang T, Huỳnh Trần Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Vũ Quang T, Huỳnh Trần Kim N phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, c, e khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Vũ Quang T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 13 *(Mười ba)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ điểm b, c, e khoản 2 Điều 174, điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Trần Kim N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 09 *(Chín)* năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho những người bị hại số tiền 15.377.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo T và N phải liên đới bồi thường cho chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 4.000.000 đồng, chị Trương Thị T2 số tiền 13.600.000 đồng, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 3.000.000 đồng, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 1.300.000 đồng, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 1.850.000 đồng, chị Đinh Khánh H3 số tiền 1.200.000 đồng, chị Võ Thị H4 số tiền 2.650.000 đồng, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 2.400.000 đồng, chị Ngô Thị Minh M số tiền 3.000.000 đồng, anh Ngô Thành C số tiền 21.350.000 đồng, anh Tạ Đức H6 số tiền 1.450.000 đồng. Chia theo phần bị cáo T và N, mỗi bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: bồi thường cho chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 2.000.000 đồng, chị Trương Thị T2 số tiền 6.800.000 đồng, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 1.500.000 đồng, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 650.000 đồng, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 925.000 đồng, chị Đinh Khánh H3 số tiền 600.000 đồng, chị Võ Thị H4 số tiền 1.325.000 đồng, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 1.200.000 đồng, chị Ngô Thị Minh M số tiền 1.500.000 đồng, anh Ngô Thành C số tiền 10.675.000 đồng, anh Tạ Đức H6 số tiền 725.000 đồng.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Hoàng Thị H5 số tiền 3.000.000 đồng, anh Phạm Đình T4 số tiền 1.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền 2.000.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền bằng con đường bất chính, Phạm Vũ Quang T và Huỳnh Trần Kim N đã cùng nhau thực hiện hành vi chiếm dụng tài khoản mạng xã hội Facebook của người khác sau đó giả danh chủ tài khoản Facebook nhắn tin cho người thân, quen, bạn bè của chủ tài khoản để hỏi vay, mượn, nhờ chuyển tiền giúp... hoặc cam kết thực hiện các dịch vụ trên Facebook để cho những người này tin tưởng chuyển tiền

nhưng không thực hiện rồi chiếm đoạt tiền. Từ ngày 25/3/2020 đến ngày 13/12/2021, Phạm Vũ Quang T cùng Huỳnh Trần Kim N đã thực hiện 09 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại tổng số tiền là 55.800.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).* Cụ thể: Chiếm đoạt của chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 4.000.000 đồng, chị Trương Thị T2 số tiền 13.600.000 đồng, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 3.000.000 đồng, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 1.300.000 đồng, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 1.850.000 đồng, chị Đinh Khánh H3 số tiền 1.200.000 đồng, chị Võ Thị H4 số tiền 2.650.000 đồng, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 2.400.000 đồng, chị Ngô Thị Minh M số tiền 3.000.000 đồng, anh Ngô Thành C số tiền 21.350.000 đồng, anh Tạ Đức H6 số tiền 1.450.000 đồng.

Ngoài ra Phạm Vũ Quang T còn thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại tổng số tiền là 6.200.000 đồng *(Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).* Cụ thể: Chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H5 số tiền 3.000.000 đồng, anh Phạm Đình T4 số tiền 1.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền 2.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phạm Vũ Quang T, Huỳnh Trần Kim N đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, theo quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt".

Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo Phạm Vũ Quang T đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 62.000.000 đồng *(Sáu mươi hai triệu đồng)*, bị cáo Huỳnh Trần Kim N đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 55.800.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Phạm Vũ Quang T, Huỳnh Trần Kim N về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo T, N đều có nhân thân xấu. Ngày 25/3/2024 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt bị cáo T 13 năm 06 tháng tù và bị cáo N 09 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số: 82/2024/HS-ST.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T và N phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T xúi giục bị cáo N là người dưới 18 tuổi phạm tội nên bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N khi phạm tội là phụ nữ có thai, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo N cùng thực hiện hành vi phạm tội. Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T nghiêm trọng hơn bị cáo N, do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T cao hơn bị cáo N là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là phù hợp.

Đối với bị cáo N khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo không quá ¾ mức hình phạt tù mà điều luật quy định là phù hợp.

[5] Đối với một số bị hại chưa xác định được nhân thân, lai lịch và một số bị hại Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với ông Phạm Văn T1 là chủ tài khoản Ngân hàng V1 số tài khoản 0631000498911, bà Phạm Thị E là chủ tài khoản Ngân hàng A1 số tài khoản 6906205181104, là các tài khoản Ngân hàng mà bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; anh Phạm Vũ Hoàng K là người giữ tiền giúp bị cáo T. Quá trình điều tra xác định ông T1, anh K không biết việc bị cáo T sử dụng các tài khoản Ngân hàng trên để thực hiện hành vi phạm tội và anh K không biết số tiền mà bị cáo T nhờ anh K giữ hộ là do bị cáo T và N lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác mà có, riêng bà Phạm Thị E đã chết. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với ông T1 và anh K là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1010, màu xanh, số imei: 354185105877691, gắn sim số 0966992054; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, model HP15; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu S1 A, màu đen (màn hình bị vỡ), số seri: R52H305FEHA; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs, số imei: 357201090070809 gắn sim số 0888683048; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia TA-1174, màu đen, số imei 1: 353109118775586, số imei 2: 353109119775585, gắn các sim số 0523295487 và 0325313960; 01 model VNPT GPON ONT iGate GW020, số serial 03115136F17A901; 01 model TP-Link TL-WR840N; 01 máy tính để bàn gồm 01 CPU và 01 màn hình nhãn hiệu AOC; 01 thẻ ATM của Ngân hàng A1 số thẻ 9704050983168795 mang tên Phạm Thi E1; 01 thẻ ATM của Ngân hàng A2 số thẻ 3577030002542268 và 02 thẻ ATM đều của Ngân hàng MB số thẻ 4089041056484207 và 4089041010320729 đều mang tên Phạm Vũ Quang T; 05 thẻ ATM đều mang tên Huỳnh Trần Kim N, cụ thể: 02 thẻ của Ngân hàng V số thẻ 9704150260196913 và 9704151532703908, 01 thẻ của Ngân hàng A2 số thẻ 9704162463017648, 02 thẻ của Ngân hàng MB số thẻ 9704222009296153 và 4089041087390811; số tiền 604.273.000 đồng; đã được xử lý xong tại Bản án số 82/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

Đối với: số tiền 15.377.000 đồng là tiền các bị cáo T và N chiếm đoạt của các bị hại trong vụ án nên cần trả lại cho những người bị hại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

Những người bị hại chị Trương Nguyễn Nhật L, chị Trương Thị T2, chị Lê Thị Thu H1, chị Trần Thị Khánh L1, chị Nguyễn Diệu H2, chị Đinh Khánh H3, chị Võ Thị H4, chị Võ Nguyễn Tuyết T3, chị Ngô Thị Minh M, anh Ngô Thành C, anh Tạ Đức H6 yêu cầu các bị cáo T và N phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt. Vì vậy, cần buộc các bị cáo T và N phải liên đới bồi thường cho chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 4.000.000 đồng, chị Trương Thị T2 số tiền 13.600.000 đồng, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 3.000.000 đồng, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 1.300.000 đồng, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 1.850.000 đồng, chị Đinh Khánh H3 số tiền 1.200.000 đồng, chị Võ Thị H4 số tiền 2.650.000 đồng, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 2.400.000 đồng, chị Ngô Thị Minh M số tiền 3.000.000 đồng, anh Ngô Thành C số tiền 21.350.000 đồng, anh Tạ Đức H6 số tiền 1.450.000 đồng. Chia theo phần bị cáo T và N, mỗi bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: bồi thường cho chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 2.000.000 đồng, chị Trương Thị T2 số tiền 6.800.000 đồng, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 1.500.000 đồng, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 650.000 đồng, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 925.000 đồng, chị Đinh Khánh H3 số tiền 600.000 đồng, chị Võ Thị H4 số tiền 1.325.000 đồng, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 1.200.000 đồng, chị Ngô Thị Minh M số tiền 1.500.000 đồng, anh Ngô Thành C số tiền 10.675.000 đồng, anh Tạ Đức H6 số tiền 725.000 đồng, là phù hợp.

Những người bị hại chị Hoàng Thị H5, anh Phạm Đình T4, chị Nguyễn Thị Quỳnh A yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt. Vì vậy, cần buộc bị cáo T bồi thường cho chị Hoàng Thị H5 số tiền 3.000.000 đồng, anh Phạm Đình T4 số tiền 1.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền 2.000.000 đồng, là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Căn cứ điểm b, c, e khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Vũ Quang T, Huỳnh Trần Kim N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, c, e khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Vũ Quang T **03 *(Ba)* năm tù.**

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt 13 *(Mười ba)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo Phạm Vũ Quang T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 16 *(Mười sáu)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 31/12/2021.

- Căn cứ điểm b, c, e khoản 2 Điều 174, điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Trần Kim N **01 *(Một)* năm 09 *(Chín)* tháng tù.**

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt 09 *(Chín)* năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo Huỳnh Trần Kim N phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 *(Mười)* năm 09 *(Chín)* tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho những người bị hại số tiền 15.377.000 đồng *(Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Phạm Vũ Quang T và Huỳnh Trần Kim N phải liên đới bồi thường cho chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*, chị Trương Thị T2 số tiền 13.600.000 đồng *(Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)*, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 1.850.000 đồng *(Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*, chị Đinh Khánh H3 số tiền 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*, chị Võ Thị H4 số tiền 2.650.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 2.400.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)*, chị Ngô Thị Minh M số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng),* anh Ngô Thành C số

tiền 21.350.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)*, anh Tạ Đức H6 số tiền 1.450.000 đồng *(Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chia theo phần bị cáo Phạm Vũ Quang T và Huỳnh Trần Kim N, mỗi bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: bồi thường cho chị Trương Nguyễn Nhật L số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, chị Trương Thị T2 số tiền 6.800.000 đồng *(Sáu triệu tám trăm nghìn đồng)*, chị Lê Thị Thu H1 số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, chị Trần Thị Khánh L1 số tiền 650.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*, chị Nguyễn Diệu H2 số tiền 925.000 đồng *(Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, chị Đinh Khánh H3 số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)*, chị Võ Thị H4 số tiền 1.325.000 đồng *(Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, chị Võ Nguyễn Tuyết T3 số tiền 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*, chị Ngô Thị Minh M số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, anh Ngô Thành C số tiền 10.675.000 đồng *(Mười triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*, anh Tạ Đức H6 số tiền 725.000 đồng *(Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Buộc bị cáo Phạm Vũ Quang T phải bồi thường cho chị Hoàng Thị H5 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*, anh Phạm Đình T4 số tiền 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*, chị Nguyễn Thị Quỳnh A số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/8/2024 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Vũ Quang T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.705.000 đồng *(Một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Trần Kim N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.395.000 đồng *(Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My